TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 405/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh – Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.
2. Ông Nguyễn Thái Hòa – Cán bộ hưu trí

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1820/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14/8/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Tuyết Ch**, sinh năm 1981.

2. Bị đơn: Anh **Đinh Văn H**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Tổ 8A, khu phố 3, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

(Chị Ch, anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại buổi hòa giải chị Trần Thị Tuyết Ch trình bày:

Chị và anh H tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Đức Lý, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 06/7/2001. Sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân, mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay xét thấy không còn tình cảm với nhau nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Đinh Thu Ph, sinh ngày 26/12/2014, cháu Đinh Liên H, sinh ngày 27/7/2008

và cháu Đinh Thị Thanh M, sinh ngày 16/4/2002. Hiện nay 03 con chung đang sống cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu 03 con chung. Tạm thời không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và các buổi hòa giải và tại phiên tòa anh Đinh Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị Ch trình bày là đúng. Quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Ch là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị Ch nên với yêu cầu xin ly hôn của chị Ch, anh đồng ý. Về chứng minh khả năng thu nhập thì anh không chứng minh được do anh làm thợ hồ.

Về con chung: Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đinh Thu Ph, sinh ngày 26/12/2014 và giao cháu Đinh Liên H, sinh ngày 27/7/2008 và cháu Đinh Thị Thanh M, sinh ngày 16/4/2002 cho chị Ch nuôi dưỡng. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết Ch.Về quan hệ hôn nhân: Chị Chinh và anh H được ly hôn với nhau. Về con chung: Giao 03 con chung cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng, vì anh H không đảm bảo được mặt thời gian để chăm sóc các con chung. Tạm thời, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn H và đề nghị giao các con chung cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định chị Ch là nguyên đơn, anh H là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H hiện đang sinh sống và làm việc tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch và anh H tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Lý, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 06/7/2001 nên áp dụng các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, tại phiên tòa chị Ch xác định chị không còn tình cảm yêu thương với anh H, trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, bất đồng về quan điểm sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau, nhiều lần chị Ch đã cho anh H cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị và anh H đã sống ly thân nhau khoảng hơn 01 năm nay. Đồng thời, tại phiên tòa anh H cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa anh và chị Ch là có thật. Nay chị Ch yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Ch và anh H.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Ch và anh H 03 con chung là cháu Đinh Thu Ph, sinh ngày 26/12/2014, cháu Đinh Liên H, sinh ngày 27/7/2008 và cháu Đinh Thị Thanh M, sinh ngày 16/4/2002. Hiện nay 03 con chung đang sống cùng chị Ch. Ly hôn chị Ch đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu 03 con chung. Tạm thời, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của chị Ch là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, hiện nay các con chung đang sống cùng chị Ch. Các con chung đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ, các con chung đều là con gái, anh H lại thường xuyên uống rượu bia nên không đảm bảo được về mặt thời gian cũng như tinh thần để nuôi dạy các con. Mặt khác, từ ngày anh H và chị Ch sống ly thân thì chị Ch vẫn trực tiếp nuôi dạy các con chung tốt, các con chung vẫn được đảm bảo về việc học tập nên việc giao các con chung cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết. Tạm thời, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Khi có yêu cầu các đương sự có quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng vào các Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết Ch đối với bị đơn anh Đinh Văn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết Ch, sinh năm 1981 và anh Đinh Văn H, sinh năm 1977.

Về con chung: Giao con chung cháu Đinh Thu Ph, sinh ngày 26/12/2014, cháu Đinh Liên H, sinh ngày 27/7/2008 và cháu Đinh Thị Thanh M, sinh ngày 16/4/2002 cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, không ai được quyền ngăn cản anh H thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Khi có yêu cầu các đương sự có quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án khác.

Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Ch đã nộp theo biên lai thu số 008799 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.